TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án: 72/HNGĐ/ST
Ngày 17-07-2020
V/v "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT,TỈNH ĐĂK LĂK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Trương Vĩnh Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bùi Văn Cảnh, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, không tham gia.***

Ngày 17 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1014/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 75/2020/QĐXX-ST ngày 12/06/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐ HPT ngày 29/06/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Minh P, sinh năm 1984; Trú tại: Liên gia 9, tổ dân phố 9, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1984; Trú tại: Liên gia 9, tổ dân phố 9, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố B, bà P trình bày:***

Tôi và ông T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở yêu thương tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày10/12/2003; tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống,vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Tôi đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên chúng tôi đã ly thân nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn được nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông T.

* Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Thảo V, sinh ngày 21/6/2004 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 25/12/2009. Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Còn cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 25/12/2009 tôi đồng ý để cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hân cho đến khi cháu Hân đủ 18 tuổi. Nếu ông T không lên Tòa án để làm việc thì tôi xin được nuôi cả 2 cháu (V và Hân) cho đến khi 2 cháu đủ 18 tuổi.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Mặc dù, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình lẩn tránh, nên Tòa án không ghi được ý kiến của bị đơn và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] ***Về tố tụng:***

- Đây là vụ án: "Xin ly hôn và nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

- Bị đơn, đã được Tòa án nhân dân Thành phố B, tống đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, theo thủ tục quy định chung.

[2] ***Về nội dung tranh chấp:***

[2.1] ***Về hôn nhân:***

Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T đến với nhau bằng tình cảm yêu thương tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và quan tâm gì tới nhau, ông bà đã cố gắng khắc phục và đã nhiều lần được gia đình, anh em, bạn bè khuyên giải và chính quyền địa phương can thiệp, nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, nên ông bà đã ly thân

nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Điều này chứng tỏ rằng: Tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông T, đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà P cần được chấp nhận, phù hợp với Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] ***Về con chung:***

Ông bà có 02 con chung là: Nguyễn Thảo V, sinh ngày 21/6/2004 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 25/12/2009. Bà P luôn có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 cháu (V và Hân), đến khi 2 cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt. Vì thế, Tòa án không ghi được ý kiến của ông T về yêu cầu này của nguyên đơn. Qua xem xét hồ sơ vụ án cho thấy: Ông T không có trách nhiệm gì đến gia đình và con cái. Do vậy, nghĩ để cuộc sống của 2 cháu (V và Hân) được đảm bảo thì cần giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 2 cháu đủ 18 tuổi, là phù hợp với Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

[2.3] ***Về cấp dưỡng nuôi con:***

Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] ***Về tài sản:*** Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] ***Về án phí:***

Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bà P phải chịu án phí HNGĐ-ST là: 300.000đồng.

- Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,2,3 Điều 144; 145; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Lê Thị Minh P.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Minh P được ly hôn ông Nguyễn Thái T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Minh P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 21/6/2004 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 25/12/2009 đến khi cháu V và cháu Hân đủ 18 tuổi.

Ông T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Bà P không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4.Về tài sản: Bà P không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí:

Bà P phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số AA/2019/0005515 ngày 19 - 12 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

6. Về quyền kháng cáo:

- Bà P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đăk lăk;
- VKS TP.B;
- CCTHA DS TP.B;
- UBND phường E.
. Lưu H.sơ;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị An